

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 885/UBND-NV

Tuy Phước, ngày 19 tháng 10 năm 2015

Về việc đề nghị thẩm định
Đề án Vị trí việc làm

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Bình Định

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức; Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 27 tháng 7 năm 2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 21/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức; Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ Quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ;

Thực hiện Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 22/11/2013 của UBND tỉnh về xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Bình Định;

Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước xây dựng Đề án vị trí việc làm trong đơn vị hành chính và đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện (có hồ sơ kèm theo).

Kính đề nghị Sở Nội vụ tỉnh Bình Định xem xét, thẩm định và phê duyệt. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Phạm Tích Hiếu

Số: 01/ĐAVTVL-TP

Tuy Phước, ngày 14 tháng 10 năm 2015

**ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM
TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH HUYỆN TUY PHƯỚC**

**Phần I
SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ**

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Khái quát đặc điểm, nội dung và tính chất hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1.1. Đặc điểm tình hình của huyện Tuy Phước

Tuy Phước là huyện đồng bằng nằm phía Đông Nam tỉnh Bình Định, là cửa ngõ đi vào thành phố Quy Nhơn, có QL1A đi qua, có tuyến đường sắt Bắc Nam, có QL19 đi các tỉnh Tây Nguyên, phía Đông giáp Đầm Thị Nại - thành phố Quy Nhơn, phía Tây giáp huyện Vân Canh và An Nhơn, phía Bắc giáp huyện Phù Cát, phía Nam giáp phường Trần Quang Diệu - thành phố Quy Nhơn, diện tích tự nhiên 34.980 ha. Toàn huyện có 13 đơn vị hành chính; gồm 11 xã, 02 thị trấn; được chia thành 101 thôn với tổng số hộ 41.628; tổng nhân khẩu 192.479; về cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông nghiệp nông thôn và một số ngư nghiệp, về tôn giáo có 4 tôn giáo lớn là: Phật giáo, Thiên chúa, Cao Đài và Tin Lành.

1.2. Khái quát chức năng nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn

Trên cơ sở thực hiện Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan có thẩm quyền; UBND huyện đã ban hành Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của 12 phòng chuyên môn thuộc UBND huyện, gồm:

1.2.1. Văn phòng HĐND&UBND huyện

Tham mưu, tổng hợp cho HĐND, UBND về hoạt động của HĐND và UBND huyện; tham mưu cho Chủ tịch UBND về chỉ đạo, điều hành của UBND huyện; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của HĐND, UBND và các cơ quan nhà nước ở địa phương; bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của HĐND và UBND.

1.2.2. Phòng Nội vụ huyện

Tham mưu giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tổ chức bộ máy, biên chế các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước; xây dựng chính quyền; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; cán bộ, công chức xã, thị trấn; hội, tổ chức phi chính phủ; cải cách hành chính; tôn giáo; thi đua - khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên.

1.2.3. Thanh tra huyện

Tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi quản lý nhà nước của UBND huyện; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

1.2.4. Phòng Tư pháp huyện

Tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; thi hành án dân sự; chứng thực; hộ tịch; trợ giúp pháp lý; hoà giải ở cơ sở và các công tác tư pháp khác.

1.2.5. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính, tài sản; kế hoạch và đầu tư; đăng ký kinh doanh; tổng hợp, thống nhất quản lý về kinh tế hợp tác xã, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân theo quy định của pháp luật.

1.2.6. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện

Tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thuỷ lợi; thuỷ sản; phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ; kinh tế trang trại nông thôn; kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề ở nông thôn và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự uỷ quyền của UBND cấp huyện và theo quy định của pháp luật, bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành, lĩnh vực công tác ở địa phương.

1.2.7. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện

Tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phát triển đô thị, kiến trúc, quy hoạch, xây dựng, vật liệu xây dựng, nhà ở và công sở, giao thông, khoa học Công nghệ, Công nghiệp TTCN, thương mại, hạ tầng kỹ thuật đô thị (gồm cấp thoát nước, vệ sinh môi trường đô thị, công viên cây xanh, điện chiếu sáng, rác thải sinh hoạt, bến, bãi đỗ xe đô thị trên địa bàn huyện).

1.2.8. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

Tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên đất; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; khí tượng, thủy văn; đo đạc, bản đồ.

1.2.9. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện

Tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, bao gồm: mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục và đào tạo; tiêu chuẩn nhà giáo và tiêu chuẩn cán bộ quản lý giáo dục; tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị trường học và đồ chơi trẻ em; quy chế thi cử và cấp văn bằng, chứng chỉ; bảo đảm chất lượng giáo dục và đào tạo.

1.2.10. Phòng Văn hoá và Thông tin huyện

Tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch, bưu chính, viễn thông và

Internet; công nghệ thông tin, hạ tầng thông tin; phát thanh, báo chí, xuất bản phẩm trên địa bàn huyện.

1.2.11. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện

Tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: lao động; việc làm; dạy nghề; tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; phòng, chống tệ nạn xã hội; bình đẳng giới.

1.2.12. Phòng Y tế huyện

Tham mưu, giúp UBND huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, gồm: y tế cơ sở; y tế dự phòng; khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người; mỹ phẩm; vệ sinh an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; trang thiết bị y tế.

1.3. Cơ chế hoạt động của các cơ quan

Các cơ quan chuyên môn hoạt động theo chế độ thủ trưởng, thực hiện quyền tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về việc Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan Nhà nước.

2. Những yếu tố tác động đến hoạt động của các cơ quan

- Trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác của CBCCC là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp và quyết định hiệu quả công việc của các cơ quan;

- Mức độ phức tạp, quy mô công việc; phạm vi và đối tượng phục vụ, quản lý; quy trình, thủ tục quản lý hoặc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật;

- Văn bản pháp luật chuyên ngành chưa thật sự hoàn chỉnh, chặt chẽ, thường điều chỉnh, thay đổi;

- Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Đánh giá chung

- Về cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện thực hiện theo Nghị định số 14/2008/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện.

- Đội ngũ công chức về cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác, tuy nhiên về chuyên ngành đào tạo, một số công chức có trình độ chuyên môn chưa đúng với nhiệm vụ được giao, các công chức được đào tạo hệ vừa học vừa làm sau này chủ yếu là để đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa về trình độ đào tạo nên nhiều vị trí chưa đúng chuyên ngành công tác.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

2. Luật Cán bộ, công chức, ngày 13 tháng 11 năm 2008;
3. Căn cứ Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ quy định những người là công chức;
4. Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;
5. Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
6. Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức và Thông tư 05/2013/TT-BNV ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;
7. Các văn bản của Trung ương và địa phương hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng ngành.

Phần II

XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, BIÊN CHẾ VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

I. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Căn cứ Điều 1, 2, 3 và 4 của Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân huyện xác định danh mục vị trí việc làm của của các cơ quan hành chính huyện theo thứ tự như sau:

1. Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành: có 28 vị trí

1.1. Vị trí cấp trưởng

- Cấp trưởng chịu trách nhiệm về việc thực thi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình và các công việc được UBND huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, gây thiệt hại trong cơ quan thuộc quyền quản lý của mình.

- Cấp trưởng có trách nhiệm báo cáo UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện, các Sở, ban ngành liên quan về tổ chức, hoạt động của cơ quan; xin ý kiến về những vấn đề vượt quá thẩm quyền và báo cáo công tác trước HĐND và UBND huyện khi có yêu cầu.

- Vị trí cấp trưởng bao gồm:

+ Chủ tịch UBND huyện;

+ Trưởng phòng;

+ Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện.

1.2. Vị trí cấp phó

- Cấp Phó là người giúp cấp Trưởng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước cấp Trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công; Khi cấp Trưởng vắng mặt, một cấp Phó được cấp Trưởng ủy quyền điều hành các

hoạt động của cơ quan. Tùy theo yêu cầu thực tế và khối lượng công việc được giao; số Phó Trưởng phòng chuyên môn của các cơ quan được bố trí phù hợp để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ công tác được giao.

- Vị trí cấp phó bao gồm:

+ Phó Chủ tịch HĐND huyện;

+ UV thường trực HĐND huyện;

+ Phó Chủ tịch UBND huyện;

+ Phó Trưởng phòng;

+ Phó Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện.

2. Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ: 44 vị trí

Thực thi, thừa hành công việc được giao thuộc về chuyên ngành, lĩnh vực hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, bao gồm các nhóm công việc cụ thể như sau:

2.1. Nhóm công việc thuộc Văn phòng HĐND&UBND huyện: có 06 vị trí

- Chuyên trách kế hoạch, tổng hợp và ISO

- Chuyên trách lĩnh vực kinh tế và đô thị

- Chuyên trách lĩnh vực văn hóa - xã hội và CNTT

- Chuyên trách công tác Hội đồng nhân dân, ngoại vụ và thi đua - khen thưởng

- Chuyên trách tiếp dân và xử lý đơn thư khiếu nại - tố cáo

- Chuyên trách công tác nội chính, cải cách hành chính

2.2. Nhóm công việc thuộc Phòng Nội vụ huyện: có 07 vị trí

- Chuyên trách tổ chức - cán bộ

- Công tác chính quyền địa phương và địa giới hành chính

- Công tác hội, tổ chức phi Chính phủ và công tác thanh niên.

- Cải cách hành chính

- Quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ

- Chuyên trách thi đua khen thưởng

- Chuyên trách công tác tôn giáo

2.3. Nhóm công việc thuộc Thanh tra huyện: có 02 vị trí

- Chuyên trách kinh tế – xã hội

- Chuyên trách xử lý khiếu nại - tố cáo và phòng chống tham nhũng

2.4. Nhóm công việc thuộc Phòng Tư pháp huyện: có 03 vị trí

- Thẩm định, rà soát văn bản quy phạm pháp luật

- Phổ biến, giáo dục và theo dõi thi hành pháp luật

- Hành chính, tư pháp.

2.5. Nhóm công việc thuộc Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện: có 05 vị trí

- Kế toán tổng hợp, kế hoạch
- Kế toán thu - chi ngân sách
- Đăng ký kinh doanh, quản lý thị trường
- Quản lý và thanh toán đầu tư
- Quản lý và định giá tài sản, cải cách hành chính

2.6. Nhóm công việc thuộc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện: có 06 vị trí

- Chuyên trách về trồng trọt
- Chuyên trách về lâm nghiệp
- Chuyên trách về chăn nuôi, thú y
- Chuyên trách về thủy sản, diêm nghiệp, tổng hợp
- Chuyên trách về hợp tác xã nông nghiệp, thủ quỹ
- Chuyên trách về thủy lợi, phòng chống lụt bão

2.7. Nhóm công việc thuộc Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện: có 04 vị trí

- Chuyên trách về công nghiệp, khuyến công, làng nghề
- Chuyên trách về quy hoạch, xây dựng, kiến trúc và phát triển đô thị
- Chuyên trách về khoa học - công nghệ, công sở và nhà ở
- Chuyên trách cấp phép kinh doanh

2.8. Nhóm công việc thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện: có 03 vị trí

- Chuyên trách về quản lý đất đai
- Chuyên trách về môi trường, khoáng sản
- Chuyên trách về giải quyết khiếu nại tố cáo

2.9. Nhóm công việc thuộc Phòng Văn hóa và Thông tin huyện: có 03 vị trí

- Chuyên trách về văn hóa, thể thao
- Chuyên trách về thông tin và truyền thông.
- Chuyên trách về du lịch và gia đình.

2.10. Nhóm công việc thuộc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện: có 03 vị trí

- Chuyên trách về chính sách người có công
- Chuyên trách về chính sách xã hội, giảm nghèo
- Chuyên trách về lao động, dạy nghề và an toàn lao động

2.12. Nhóm công việc thuộc Phòng Y tế huyện: có 02 vị trí

- Chuyên trách về an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh
- Chuyên trách về hành nghề y dược tư nhân và y tế xã

3. Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ: 09 vị trí (trong đó 03 vị trí hợp đồng theo ND 68, 06 vị trí chuyên trách)

Thực thi, thừa hành công việc mang tính phục vụ cho công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan, tổ chức. Bao gồm các nhóm công việc cụ thể như sau:

- 3.1. Lái xe (Hợp đồng ND 68);
- 3.2. Tạp vụ (Hợp đồng ND 68);
- 3.3. Bảo vệ (Hợp đồng ND 68);
- 3.4. 02 vị trí Kế toán chuyên trách;
- 3.5. 03 vị trí Văn thư – Thủ quỹ chuyên trách;
- 3.6. Lưu trữ chuyên trách.

II. DỰ KIẾN BIÊN CHẾ

Căn cứ Điều 5, 6 của Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, UBND huyện dự kiến biên chế trong các cơ quan hành chính huyện như sau:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Biên chế và lao động hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	
	TỔNG SỐ:	81	100	Trong đó: 94 b/c HC và 6 lao động HĐ theo ND 68
I	VĂN PHÒNG HĐND & UBND HUYỆN	18	25	Trong đó có 6 lao động HĐ theo ND 68
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	6	10	
1.1	Chủ tịch UBND huyện	1	1	
1.2	Phó Chủ tịch UBND huyện	1	3	
1.3	Phó Chủ tịch HĐND huyện	1	1	
1.4	UVTT HĐND huyện	1	1	
1.5	Chánh Văn phòng	1	1	

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Biên chế và lao động hợp đồng	Ghi chú
1.6	Phó Chánh Văn phòng	1	3	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ	6	5	
2.1	Chuyên trách kế hoạch, tổng hợp và ISO	1	1	
2.2	Chuyên trách lĩnh vực kinh tế và đô thị	1	1	
2.3	Chuyên trách lĩnh vực văn hóa - xã hội và CNTT	1	1	
2.4	Chuyên trách công tác Hội đồng nhân dân, ngoại vụ và thi đua - khen thưởng	1	0	
2.5	Chuyên trách tiếp dân và xử lý đơn thư khiếu nại - tố cáo	1	1	
2.6	Chuyên trách công tác nội chính, cải cách hành chính	1	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ	3	3	
3.1	Văn thư kiêm thủ quỹ	1	1	
3.2	Lưu trữ	1	1	
3.3	Kế toán	1	1	
4	Vị trí lao động hợp đồng theo ND 68	3	7	
4.1	Lái xe	1	3	2 HĐ 68, 01 tuyển trước ND 25
4.2	Tạp vụ	1	2	
4.3	Bảo vệ	1	2	
II	PHÒNG NỘI VỤ	9	10	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	3	
1.1	Trưởng phòng	1	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	1	2	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ	7	7	

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Biên chế và lao động hợp đồng	Ghi chú
2.1	Chuyên trách tổ chức - cán bộ	1	1	
2.2	Công tác chính quyền địa phương và địa giới hành chính	1	1	
2.3	Công tác hội, tổ chức phi Chính phủ và công tác thanh niên.	1	1	
2.4	Cải cách hành chính	1	1	
2.5	Quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ	1	1	
2.6	Chuyên trách thi đua khen thưởng	1	1	
2.7	Chuyên trách công tác tôn giáo	1	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ	0	0	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ	k/n	k/n	
3.2	Kế toán	k/n	k/n	
III	THANH TRA HUYỆN	4	6	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	2	
1.1	Chánh Thanh tra	1	1	
1.2	Phó Chánh Thanh tra	1	1	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ	2	4	
2.1	Chuyên trách thanh tra kinh tế – xã hội	1	2	
2.2	Chuyên trách xử lý khiếu nại - tố cáo và phòng chống tham nhũng	1	2	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ	0	0	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ	k/n	k/n	
3.2	Kế toán	k/n	k/n	
IV	PHÒNG TƯ PHÁP	5	5	

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Biên chế và lao động hợp đồng	Ghi chú
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	2	
1.1	Trưởng phòng	1	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	1	1	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ	3	3	
2.1	Thẩm định, rà soát văn bản quy phạm pháp luật	1	1	
2.2	Phổ biến, giáo dục và theo dõi thi hành pháp luật	1	1	
2.3	Hành chính, tư pháp	1	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ	0	0	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ	k/n	k/n	
3.2	Kế toán	k/n	k/n	
V	PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH	7	9	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	3	
1.1	Trưởng phòng	1	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	1	2	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ	5	6	
2.1	Kế toán tổng hợp, kế hoạch	1	1	
2.2	Kế toán thu - chi ngân sách	1	2	
2.3	Đăng ký kinh doanh, quản lý thị trường	1	1	
2.4	Quản lý và thanh toán đầu tư	1	1	
2.5	Quản lý và định giá tài sản, cải cách hành chính	1	1	

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Biên chế và lao động hợp đồng	Ghi chú
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ	0	0	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ	k/n	k/n	
3.2	Kế toán	k/n	k/n	
VI	PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	8	9	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	3	
1.1	Trưởng phòng	1	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	1	2	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ	6	6	
2.1	Chuyên trách về trồng trọt	1	1	
2.2	Chuyên trách về lâm nghiệp	1	1	
2.3	Chuyên trách về chăn nuôi, thú y	1	1	
2.4	Chuyên trách về thủy sản, diêm nghiệp, tổng hợp	1	1	
2.5	Chuyên trách về hợp tác xã nông nghiệp, thủ quỹ	1	1	
2.6	Chuyên trách về thủy lợi, phòng chống lụt bão	1	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ	0	0	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ	k/n	k/n	
3.2	Kế toán	k/n	k/n	
VII	PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG	6	7	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	3	
1.1	Trưởng phòng	1	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	1	2	

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Biên chế và lao động hợp đồng	Ghi chú
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ	4	4	
2.1	Chuyên trách về công nghiệp, khuyến công, làng nghề	1	1	
2.2	Chuyên trách về quy hoạch, xây dựng, kiến trúc và phát triển đô thị	1	1	
2.3	Chuyên trách về khoa học - công nghệ, công sở và nhà ở	1	1	
2.4	Chuyên trách cấp phép kinh doanh	1	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ	0	0	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ	k/n	k/n	
3.2	Kế toán	k/n	k/n	
VIII	PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	6	9	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	3	
1.1	Trưởng phòng	1	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	1	2	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ	3	5	
2.1	Chuyên trách về quản lý đất đai	1	3	
2.2	Chuyên trách về môi trường, khoáng sản	1	1	
2.3	Chuyên trách xử lý khiếu nại, tố cáo	1	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ	1	1	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ	1	1	
3.2	Kế toán	k/n	k/n	
IX	PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	2	4	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	4	

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Biên chế và lao động hợp đồng	Ghi chú
1.1	Trưởng phòng	1	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	1	3	
X	PHÒNG VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN	5	5	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	2	
1.1	Trưởng phòng	1	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	1	1	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ	3	3	
2.1	Chuyên trách về văn hóa, thể thao	1	1	
2.2	Chuyên trách về thông tin và truyền thông	1	1	
2.3	Chuyên trách về du lịch và gia đình	1	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ	0	0	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ	k/n	k/n	
3.2	Kế toán	k/n	k/n	
XI	PHÒNG LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	7	8	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	3	
1.1	Trưởng phòng	1	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	1	2	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ	3	3	
2.1	Chuyên trách về chính sách người có công	1	1	
2.2	Chuyên trách về chính sách xã hội, giảm nghèo	1	1	
2.3	Chuyên trách về lao động, dạy nghề và an toàn lao động	1	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ	2	2	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ	1	1	

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Biên chế và lao động hợp đồng	Ghi chú
3.2	Kế toán	1	1	
XII	PHÒNG Y TẾ	4	3	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	2	
1.1	Trưởng phòng	1	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	1	1	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ	2	1	
2.1	Chuyên trách về an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh	1	1	
2.2	Chuyên trách về hành nghề y dược tư nhân và y tế xã	1	Phó Trưởng phòng k/n	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ	0	0	
3.1	Văn thư - lưu trữ	kn	k/n	
3.2	Kế toán	kn	k/n	

III. XÁC ĐỊNH CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

1. Tình hình biên chế các phòng, ban huyện

* Tổng số biên chế hành chính của các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện được UBND tỉnh giao năm 2015 là: 94 biên chế. Trong đó, thực hiện là: 90 người, còn lại 04 biên chế chưa sử dụng (Văn phòng HĐND&UBND huyện: 03 biên chế; Phòng Văn hóa và Thông tin huyện: 01 biên chế).

- Văn phòng HĐND&UBND huyện còn 03 biên chế chưa sử dụng là do 02 cán bộ mới về hưu, 01 vị trí chuyên môn chưa được tuyển dụng.

- Phòng Văn hóa và Thông tin huyện còn 01 biên chế chưa sử dụng là do đang tìm nhân sự để bổ nhiệm Phó Trưởng phòng.

* 06 người lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP làm việc tại Văn phòng HĐND&UBND huyện do UBND huyện cấp kinh phí.

* Trên địa bàn huyện Tuy Phước có 02 thị trấn: thị trấn Tuy Phước và thị trấn Diêu Trì, nhằm thực hiện tốt công tác quản lý đô thị tại 02 thị trấn trên, UBND huyện đã hợp đồng 02 nhân viên ngoài biên chế để làm công tác quản lý đô thị tại Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

2. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Thông tư 05/2013/TT-BNV, xác định cơ cấu ngạch công chức như sau:

- Công chức giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương 5/100, chiếm tỷ lệ 5%;
- Công chức giữ ngạch chuyên viên hoặc tương đương 86/100, chiếm tỷ lệ 86%;
- Công chức giữ ngạch cán sự hoặc tương đương 5/100, chiếm tỷ lệ 5%;
- Công chức giữ ngạch nhân viên hoặc tương đương 4/100, chiếm tỷ lệ 4%.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để hoàn thành nhiệm vụ công tác được giao, UBND huyện Tuy Phước đề nghị UBND tỉnh, Sở Nội vụ xem xét, phê duyệt Đề án vị việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính thuộc huyện với tổng số vị trí việc làm và biên chế dự kiến như sau:

- Tổng số vị trí việc làm là: **81 vị trí**;
- Tổng nhu cầu biên chế đề nghị phê duyệt năm 2015 là: **94 biên chế** và 06 hợp đồng theo Nghị định 68.

Trên đây là Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan hành chính của UBND huyện Tuy Phước, kính đề nghị UBND tỉnh, Sở Nội vụ xem xét, phê duyệt. /.

Phê duyệt của Sở Nội vụ

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Tích Hiếu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**Phụ lục số 4
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÁC CƠ QUAN
HÀNH CHÍNH THUỘC UBND HUYỆN TUY PHƯỚC**

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế và lao động hợp đồng	Ghi chú
1	2		4	
	TỔNG SỐ:		100	Trong đó: 94 b/c HC và 6 lao động HĐ theo ND 68
I	VĂN PHÒNG HĐND & UBND HUYỆN		25	Trong đó có 6 lao động HĐ theo ND 68
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành		10	
1.1	Chủ tịch UBND huyện	Chuyên viên chính	1	
1.2	Phó Chủ tịch UBND huyện	Chuyên viên chính	3	
1.3	Phó Chủ tịch HĐND huyện	Chuyên viên chính	1	
1.4	UVTT HĐND huyện	Chuyên viên	1	
1.5	Chánh Văn phòng	Chuyên viên	1	
1.6	Phó Chánh Văn phòng	Chuyên viên	3	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ		5	
2.1	Chuyên trách kế hoạch, tổng hợp và ISO	Chuyên viên	1	
2.2	Chuyên trách lĩnh vực kinh tế và đô thị	Chuyên viên	1	
2.3	Chuyên trách lĩnh vực văn hóa - xã hội và CNTT	Chuyên viên	1	
2.4	Chuyên trách công tác Hội đồng nhân dân, ngoại vụ và thi đua - khen thưởng	Chuyên viên	0	
2.5	Chuyên trách tiếp dân và xử lý đơn thư khiếu nại - tố cáo	Chuyên viên	1	
2.6	Chuyên trách công tác nội chính, cải cách hành chính	Chuyên viên	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ		3	
3.1	Văn thư kiêm thủ quỹ	Chuyên viên	1	
3.2	Lưu trữ	Chuyên viên	1	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế và lao động hợp đồng	Ghi chú
3.3	Kế toán	Chuyên viên	1	
4	Vị trí lao động theo ND 68		7	
4.1	Lái xe	Cán sự	3	2 HD 68, 01 tuyển trước ND 25
4.2	Tạp vụ	Nhân viên	2	
4.3	Bảo vệ	Nhân viên	2	
II	PHÒNG NỘI VỤ		10	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành		3	
1.1	Trưởng phòng	Chuyên viên	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên	2	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ		7	
2.1	Chuyên trách tổ chức - cán bộ	Chuyên viên	1	
2.2	Công tác chính quyền địa phương và địa giới hành chính	Chuyên viên	1	
2.3	Công tác hội, tổ chức phi Chính phủ và công tác thanh niên	Chuyên viên	1	
2.4	Cải cách hành chính	Chuyên viên	1	
2.5	Quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ	Chuyên viên	1	
2.6	Chuyên trách thi đua khen thưởng	Chuyên viên	1	
2.7	Chuyên trách công tác tôn giáo	Chuyên viên	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ		0	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ		k/n	
3.2	Kế toán		k/n	
III	THANH TRA HUYỆN		6	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành		2	
1.1	Chánh Thanh tra	Chuyên viên	1	
1.2	Phó Chánh Thanh tra	Chuyên viên	1	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ		4	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế và lao động hợp đồng	Ghi chú
2.1	Chuyên trách thanh tra kinh tế – xã hội	Chuyên viên	2	
2.2	Chuyên trách xử lý khiếu nại - tố cáo và phòng chống tham nhũng	Chuyên viên	2	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ		0	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ		k/n	
3.2	Kế toán		k/n	
IV	PHÒNG TƯ PHÁP		5	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành		2	
1.1	Trưởng phòng	Chuyên viên	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên	1	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ		3	
2.1	Thẩm định, rà soát văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên	1	
2.2	Phổ biến, giáo dục và theo dõi thi hành pháp luật	Chuyên viên	1	
2.3	Hành chính, tư pháp	Chuyên viên	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ		0	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ		k/n	
3.2	Kế toán		k/n	
V	PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH		9	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành		3	
1.1	Trưởng phòng	Chuyên viên	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên	2	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ		6	
2.1	Kế toán tổng hợp, kế hoạch	Chuyên viên	1	
2.2	Kế toán thu - chi ngân sách	Chuyên viên	2	
2.3	Đăng ký kinh doanh, quản lý thị trường	Chuyên viên	1	
2.4	Quản lý và thanh toán đầu tư	Chuyên viên	1	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế và lao động hợp đồng	Ghi chú
2.5	Quản lý và định giá tài sản, cải cách hành chính	Chuyên viên	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ		0	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ		k/n	
3.2	Kế toán		k/n	
VI	PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		9	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành		3	
1.1	Trưởng phòng	Chuyên viên	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên	2	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ		6	
2.1	Chuyên trách về trồng trọt	Chuyên viên	1	
2.2	Chuyên trách về lâm nghiệp	Chuyên viên	1	
2.3	Chuyên trách về chăn nuôi, thú y	Chuyên viên	1	
2.4	Chuyên trách về thủy sản, diêm nghiệp, tổng hợp	Chuyên viên	1	
2.5	Chuyên trách về hợp tác xã nông nghiệp, thủ quỹ	Chuyên viên	1	
2.6	Chuyên trách về thủy lợi, phòng chống lụt bão	Chuyên viên	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ		0	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ		k/n	
3.2	Kế toán		k/n	
VII	PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG		7	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành		3	
1.1	Trưởng phòng	Chuyên viên	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên	2	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ		4	
2.1	Chuyên trách về công nghiệp, khuyến công, làng nghề	Chuyên viên	1	
2.2	Chuyên trách về quy hoạch, xây dựng, kiến trúc và phát triển đô thị	Chuyên viên	1	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế và lao động hợp đồng	Ghi chú
2.3	Chuyên trách về khoa học - công nghệ, công sở và nhà ở	Chuyên viên	1	
2.4	Chuyên trách cấp phép kinh doanh	Chuyên viên	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ		0	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ		k/n	
3.2	Kế toán		k/n	
VIII	PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG		9	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành		3	
1.1	Trưởng phòng	Chuyên viên	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên	2	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ		5	
2.1	Chuyên trách về quản lý đất đai	Chuyên viên	3	
2.2	Chuyên trách về môi trường, khoáng sản	Chuyên viên	1	
2.3	Chuyên trách xử lý khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ		1	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ	Chuyên viên	1	
3.2	Kế toán		k/n	
IX	PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		4	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành		4	
1.1	Trưởng phòng	Chuyên viên	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên	3	
X	PHÒNG VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN		5	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành		2	
1.1	Trưởng phòng	Chuyên viên	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên	1	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ		3	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế và lao động hợp đồng	Ghi chú
2.1	Chuyên trách về văn hóa, thể thao	Chuyên viên	1	
2.2	Chuyên trách về thông tin và truyền thông	Chuyên viên	1	
2.3	Chuyên trách về du lịch và gia đình	Chuyên viên	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ		0	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ		k/n	
3.2	Kế toán		k/n	
XI	PHÒNG LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI		8	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành		3	
1.1	Trưởng phòng	Chuyên viên	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên	2	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ		3	
2.1	Chuyên trách về chính sách người có công	Chuyên viên	1	
2.2	Chuyên trách về chính sách xã hội, giảm nghèo	Chuyên viên	1	
2.3	Chuyên trách về lao động, dạy nghề và an toàn lao động	Chuyên viên	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ		2	
3.1	Văn thư - Thủ quỹ	Cán sự	1	
3.2	Kế toán	Cán sự	1	
XII	PHÒNG Y TẾ		3	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành		2	
1.1	Trưởng phòng	Chuyên viên	1	
1.2	Phó Trưởng phòng	Chuyên viên	1	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ		1	
2.1	Chuyên trách về an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh	Chuyên viên	1	
2.2	Chuyên trách về hành nghề y dược tư nhân và y tế xã	Chuyên viên	Phó Trưởng phòng k/n	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ		0	

STT	Tên vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Biên chế và lao động hợp đồng	Ghi chú
3.1	Văn thư - lưu trữ		k/n	
3.2	Kế toán		k/n	

Tuy Phước, ngày 13 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu



Phạm Thị Hương Giang

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Tích Hiếu

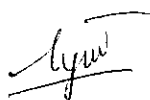
**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**Phụ lục 9
TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ BIÊN CHẾ**

STT	Đơn vị	Số lượng vị trí việc làm					Biên chế				
		Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra			
			Vị trí lãnh đạo, quản lý	Vị trí gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	Vị trí để thực hiện HD 68		Lãnh đạo, quản lý	Công chức hoạt động nghề nghiệp	Công chức gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	Hợp đồng lao động theo ND 68
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Văn phòng HĐND và UBND	18	6	6	3	3	25	10	5	3	7
2	Phòng Nội vụ	9	2	7			10	3	7		
3	Thanh Tra	4	2	2			6	2	4		
4	Phòng Tư pháp	5	2	3			5	2	3		
5	Phòng Tài chính và Kế hoạch	7	2	5			9	3	6		
6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	8	2	6			9	3	6		
7	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	6	2	4			7	3	4		
8	Phòng Tài nguyên và MT	6	2	3	1		9	3	5	1	
9	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2	2				4	4			
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	5	2	3			5	2	3		
11	Phòng Lao động TB và XH	7	2	3	2		8	3	3	2	
12	Phòng Y tế	4	2	2			3	2	1		
Tổng số		81	28	44	6	3	100	40	47	6	7

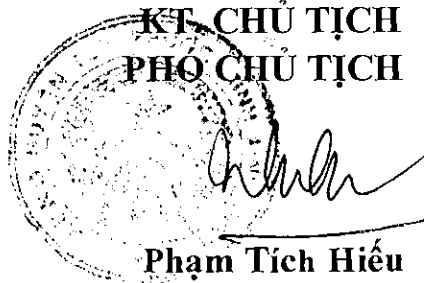
Tuy Phước, ngày 13 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu



Phạm Thị Hương Giang

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Tích Hiếu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**Phụ lục 10
CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC**

STT	Đơn vị	Số lượng công chức và người lao động tương ứng với các ngạch						
		Tổng số	Chia ra					
			Ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương	Ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương	Ngạch chuyên viên hoặc tương đương	Ngạch cán sự hoặc tương đương	Ngạch nhân viên hoặc tương đương	Khác
1	Văn phòng HĐND và UBND	25		5	13	3	4	
2	Phòng Nội vụ	10			10			
3	Thanh Tra	6			6			
4	Phòng Tư pháp	5			5			
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch	9			9			
6	Phòng Nông nghiệp và PTNT	9			9			
7	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7			7			
8	Phòng Tài nguyên và MT	9			9			
9	Phòng Giáo dục và Đào tạo	4			4			
10	Phòng Văn hóa và Thông tin	5			5			
11	Phòng Lao động TB và XH	8			6	2		
12	Phòng Y tế	3			3			
Tổng số		100		5	86	5	4	

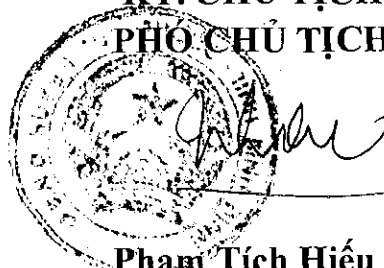
Tuy Phước, ngày 13 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu



Phạm Thị Hương Giang

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Tích Hiếu

Số: 02 /ĐAVTVL-TP

Tuy Phước, ngày 14 tháng 10 năm 2015

ĐỀ ÁN

XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND HUYỆN TUY PHƯỚC

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Khái quát đặc điểm tình hình, cơ cấu tổ chức các đơn vị

1.1. Đặc điểm tình hình của huyện Tuy Phước

Tuy Phước là huyện đồng bằng nằm phía Đông Nam tỉnh Bình Định, là cửa ngõ đi vào thành phố Quy Nhơn, có QL1A đi qua, có tuyến đường sắt Bắc Nam, có QL19 đi các tỉnh Tây Nguyên, phía Đông giáp Đầm Thị Nại - thành phố Quy Nhơn, phía Tây giáp huyện Vân Canh và An Nhơn, phía Bắc giáp huyện Phù Cát, phía Nam giáp phường Trần Quang Diệu - thành phố Quy Nhơn, diện tích tự nhiên 34.980 ha. Toàn huyện có 13 đơn vị hành chính; gồm 11 xã, 02 thị trấn; được chia thành 101 thôn với tổng số hộ 41.628; tổng nhân khẩu 192.479; về cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông nghiệp nông thôn và một số ngư nghiệp, về tôn giáo có 4 tôn giáo lớn là: Phật giáo, Thiên chúa, Cao Đài và Tin Lành.

1.2. Khái quát chức năng, nhiệm vụ, nội dung, tính chất hoạt động của các đơn vị sự nghiệp

- Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện: có 04 đơn vị
- Đơn vị sự nghiệp thuộc phòng: có 62 đơn vị
- Đơn vị sự nghiệp tự trang trải kinh phí: Ban quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện
- Đơn vị sự nghiệp được hỗ trợ một phần kinh phí: Ban quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện

1.2.1. Đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo:

* **Trường Mẫu giáo:** 14 trường, chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ ba đến sáu tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Huy động trẻ em lứa tuổi mầm non đến trường; Tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng cơ sở vật chất theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá.

- Phối hợp với gia đình trẻ em, tổ chức và cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

- Thực hiện kiểm định chất lượng nuôi dưỡng, phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

* **Trường Tiểu học:** 30 trường, chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Tổ chức quản lý các hoạt động dạy, học và các hoạt động khác ở nhà trường do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Công khai nội dung, mục tiêu các hoạt động giáo dục, công khai tài chính...

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo qui định của pháp luật.

- Tuyển sinh, vận động học sinh đến trường, quản lý học sinh theo qui định của pháp luật.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục.

- Huy động quản lý, sử dụng các nguồn lực giáo dục. Phối hợp với tổ chức và cá nhân để thực hiện các hoạt động giáo dục.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất và các trang thiết bị.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Thực hiện các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo qui định của pháp luật.

* **Trường THCS:** 14 trường, chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục trung học cơ sở do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động trẻ em khuyết tật, trẻ em đã bỏ học đến trường, thực hiện phổ cập giáo dục ở địa phương. Thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục nhằm hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong học tập. Tổ chức kiểm tra và đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận tốt nghiệp THCS cho học sinh trong nhà trường.

- Xây dựng, phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương.

- Thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.
- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.
- Phối hợp với gia đình, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện hoạt động giáo dục.
- Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

1.2.2. Sự nghiệp Văn hóa – Thông tin – Thể thao

*** Đài Truyền thanh huyện:**

Là đơn vị trực thuộc UBND huyện, thực hiện chức năng là cơ quan tuyên truyền của Đảng bộ, chính quyền huyện; chịu sự quản lý trực tiếp của UBND huyện, quản lý nhà nước của Sở Thông tin & Truyền thông và sự hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

*** Trung tâm Văn hóa - Thông tin Thể thao huyện:**

Phát triển sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể thao; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương; hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao ở cơ sở; tổ chức, cung ứng dịch vụ công; đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nhu cầu tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân trên địa bàn.

1.2.3. Sự nghiệp khác

*** Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện:**

Tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và ổn định thị trường bất động sản, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, phát triển các khu tái định cư, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên đất; đấu giá quyền sử dụng đất; đấu thầu dự án có sử dụng đất; quản lý quỹ đất đã thu hồi, đã nhận chuyển nhượng, đã tạo lập, phát triển và thực hiện dịch vụ trong lĩnh vực bồi thường, giải phóng mặt bằng.

*** Trạm Khuyến nông huyện:**

Thực hiện chức năng tổ chức thực hiện công tác khuyến nông trên địa bàn huyện; các hoạt động khuyến nông trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy nông, chế biến, bảo quản nông - lâm sản; tiếp nhận và cung ứng vật tư nông nghiệp cho nhân dân để phục vụ sản xuất nông nghiệp; tham mưu cho UBND huyện công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật về sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp trên địa bàn huyện; quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác khuyến ngư, khuyến lâm ở cơ sở.

*** Ban Quản lý Cụm Công nghiệp và Dịch vụ huyện:**

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực có liên quan đến công tác đầu tư phát triển cụm công nghiệp – dịch vụ của huyện và thực hiện các nhiệm vụ khác.

*** Hội Chữ thập đỏ huyện:**

Cứu trợ nhân đạo, phòng ngừa thảm họa; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân dựa vào cộng đồng, giúp đỡ nạn nhân thiên tai, hỏa hoạn, nạn nhân chiến tranh, những người khuyết tật, trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa; tuyên truyền, vận động hội viên và nhân dân tham gia các hoạt động hiến máu nhân đạo tình nguyện cứu người; quản lý tài sản, ngân sách, biên chế và thực hiện các nhiệm vụ khác.

*** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc VP. HĐND và UBND**

Thực hiện chức năng hướng dẫn, tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ cho cơ quan chuyên môn và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo cơ chế một cửa thuộc trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết của UBND huyện Tuy Phước.

*** Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất**

Có chức năng thực hiện đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất; chỉnh lý biến động về đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng và quản lý hồ sơ địa chính theo quy định của pháp luật.

1.2.4. Đơn vị sự nghiệp tự trang trải kinh phí: Ban quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện

Tham mưu, giúp UBND huyện quản lý các dự án, tư vấn đầu tư và xây dựng.

1.2.5. Đơn vị sự nghiệp được hỗ trợ một phần kinh phí: Ban quản lý Nước sạch và Vệ sinh môi trường huyện

Tham mưu, giúp UBND huyện quản lý, khai thác, vận hành hệ thống cấp nước và cung cấp nước sạch cho nhân dân các xã khu vực phía đông huyện; thu gom rác thải sinh hoạt; quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn huyện.

1.3. Cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp

Các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động theo quy chế hoạt động của đơn vị; có tư cách pháp nhân (có con dấu và tài khoản riêng).

Thực hiện quyền tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Những yếu tố tác động đến hoạt động của các đơn vị

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác của viên chức là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp và quyết định hiệu quả công việc của đơn vị;

- Mức độ phức tạp, quy mô công việc; phạm vi và đối tượng phục vụ, quản lý; quy trình, thủ tục quản lý hoặc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật;

- Văn bản pháp luật chuyên ngành chưa thật sự hoàn chỉnh, chặt chẽ, thường điều chỉnh, thay đổi;

- Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin;

3. Đánh giá chung

Nhìn chung, số lượng biên chế được giao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cần thiết. Việc phân bổ biên chế cho các đơn vị tương đối hợp lý.

- Đội ngũ viên chức về cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác, tuy nhiên tại nhiều đơn vị, vẫn tồn tại hình thức hợp đồng làm việc có thời hạn, chưa tuyển dụng viên chức. Một số viên chức học nâng cao (từ xa, vừa học vừa làm) chủ yếu là nâng bằng, nâng lương, chưa chú trọng lựa chọn chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Viên chức số 22/2010/QH12 ngày 15/11/2010 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012.

2. Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

3. Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP.

4. Căn cứ Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND ngày 17/3/2009 của UBND tỉnh Bình Định “Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp tỉnh Bình Định”;

5. Công văn số 424/SNV-TCBC ngày 17/4/2013 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Định về việc thông báo chỉ tiêu biên chế hành chính sự nghiệp năm 2014 và Công văn số 1055/SNV-TCBC ngày 09/10/2013 về việc bổ sung chỉ tiêu biên chế sự nghiệp Giáo dục – Đào tạo năm 2013.

Phần II

XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

I. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Căn cứ Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 của Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ, xác định danh mục vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập theo thứ tự sau:

1. Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành: có 127 vị trí

1.1. Vị trí cấp trưởng:

- Cấp trưởng chịu trách nhiệm về việc thực thi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình và các công việc được UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, gây thiệt hại trong cơ quan thuộc quyền quản lý của mình.

- Cấp trưởng có trách nhiệm báo cáo UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện, các Sở, ban ngành liên quan về tổ chức, hoạt động của cơ quan; xin ý kiến về những vấn đề vượt quá thẩm quyền và báo cáo công tác trước HĐND&UBND huyện khi có yêu cầu.

- Vị trí cấp trưởng bao gồm:

- + Trưởng Đài;
- + Trưởng trạm;
- + Trưởng ban;
- + Giám đốc;
- + Chủ tịch Hội;
- + Hiệu trưởng.

1.2. Vị trí cấp phó:

- Cấp Phó là người giúp cấp Trưởng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước cấp Trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công; Khi cấp Trưởng vắng mặt, một cấp phó được cấp Trưởng ủy quyền điều hành các hoạt động của cơ quan. Tùy theo yêu cầu thực tế và khối lượng công việc được giao; số lượng cấp Phó chuyên môn của các cơ quan được bố trí phù hợp để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ công tác được giao.

- Vị trí cấp phó bao gồm:

- + Phó Trưởng Đài;
- + Phó Trưởng trạm;
- + Phó Giám đốc;
- + Phó Chủ tịch Hội;
- + Phó Hiệu trưởng.

2. Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc hoạt động nghề nghiệp: có 457 vị trí

Thực thi, thừa hành công việc được giao thuộc về chuyên ngành, lĩnh vực hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, bao gồm các nhóm công việc cụ thể như sau:

2.1. Nhóm công việc sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo:

* Nhóm công việc thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện: có 4 vị trí

- Chuyên quản giáo dục mầm non
- Chuyên quản giáo dục tiểu học
- Chuyên quản giáo dục trung học cơ sở
- Chuyên trách tổ chức - cán bộ - thanh tra

*** Nhóm công việc các trường thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện: có 434 vị trí**

- Giáo viên THCS
- Giáo viên Tiểu học
- Giáo viên Mầm non
- Tổng phụ trách Đội TNTP HCM

2.2. Nhóm công việc thuộc Đài Truyền thanh huyện: có 04 vị trí

- Biên tập viên
- Phát thanh viên
- Phóng viên phát thanh, ghi hình
- Chuyên trách kỹ thuật phát thanh

2.3. Nhóm công việc thuộc Trung tâm Văn hóa - Thông tin Thể thao huyện: có 04 vị trí

- Chuyên trách công tác tuyên truyền
- Chuyên trách về văn hóa, văn nghệ
- Chuyên trách về thể dục, thể thao
- Chuyên quản về thư viện

2.4. Nhóm công việc thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện: có 02 vị trí

- Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng
- Chuyên trách về phát triển quỹ đất

2.5. Nhóm công việc thuộc Trạm Khuyến nông huyện: có 03 vị trí

- Công tác khuyến nông
- Công tác khuyến ngư
- Công tác khuyến lâm

2.6. Ban Quản lý Cụm Công nghiệp và Dịch vụ huyện: có 02 vị trí

- Chuyên quản đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng, tái định cư, cấp phép xây dựng tại các CCN
- Chuyên quản về môi trường, đất đai tại các CCN

2.7. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc VP. HĐND và UBND: có 01 vị trí

- Nghiệp vụ tiếp nhận và trả kết quả

2.8. Nhóm công việc thuộc Hội Chữ thập đỏ huyện: có 01 vị trí

- Công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng, cứu trợ và hiến máu nhân đạo

2.9. Viên chức làm việc tại Phòng Nông nghiệp và PTNT (1), Phòng Y tế (1): có 02 vị trí

- Chuyên trách về xây dựng nông thôn mới

- Chuyên trách phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em và dân số - KHHGD

3. Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ: có 256 vị trí

Thực thi, thừa hành công việc mang tính phục vụ cho công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan, tổ chức. Bao gồm các nhóm công việc cụ thể như sau:

3.1. 44 vị trí Nhân viên Y tế;

3.2. 44 vị trí Nhân viên Thư viện;

3.3. 44 vị trí Nhân viên Thiết bị;

3.4. 47 vị trí Kế toán;

3.5. 46 vị trí Văn thư - thủ quỹ;

3.6. 14 vị trí Kế toán - Văn thư;

3.7. 14 vị trí Y tế - Thủ quỹ;

3.6. 02 vị trí Hành chính, văn phòng, tổng hợp, thi đua;

3.7. 01 vị trí Kế hoạch - cơ sở vật chất.

II. XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

Căn cứ Điều 5, Điều 6 của Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ, xác định số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

<i>TT</i>	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	TỔNG SỐ:	840	2048	
<i>A</i>	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	806	1985	

<i>TT</i>	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc	Ghi chú
I	Trường Trung học cơ sở	308	748	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	28	34	
1.1	Hiệu trưởng	14	14	
1.2	Phó hiệu trưởng	14	20	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	210	638	
2.1	Giáo viên ngữ văn	14	101	
2.2	Giáo viên lịch sử	14	37	
2.3	Giáo viên địa lý	14	31	
2.4	Giáo viên giáo dục công dân	14	21	
2.5	Giáo viên toán	14	98	
2.6	Giáo viên lý	14	37	
2.7	Giáo viên hoá	14	31	
2.8	Giáo viên sinh	14	45	
2.9	Giáo viên tin	14	38	
2.10	Giáo viên âm nhạc	14	20	
2.11	Giáo viên mỹ thuật	14	19	
2.12	Giáo viên công nghệ	14	30	
2.13	Giáo viên thể dục	14	40	
2.14	Giáo viên ngoại ngữ	14	76	
2.15	Tổng phụ trách Đội TNTP HCM	14	14	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	70	76	
3.1	Nhân viên thư viện	14	14	
3.2	Nhân viên thiết bị	14	20	
3.3	Kế toán	14	14	
3.4	Y tế	14	14	
3.5	Văn thư và thủ quỹ	14	14	
II	Trường Tiểu học	420	944	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	60	61	
1.1	Hiệu trưởng	30	30	
1.2	Phó hiệu trưởng	30	31	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	210	791	
2.1	Giáo viên sư phạm tiểu học	30	598	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc	Ghi chú
2.2	Giáo viên âm nhạc	30	30	
2.3	Giáo viên mỹ thuật	30	30	
2.4	Giáo viên thể dục	30	38	
2.5	Giáo viên ngoại ngữ	30	36	
2.6	Giáo viên tin	30	29	
2.7	Tổng phụ trách Đội TNTP HCM	30	30	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	150	92	
3.1	Nhân viên thư viện	30	30	
3.2	Nhân viên thiết bị	30	1	
3.3	Kế toán	30	30	
3.4	Y tế	30	30	
3.5	Văn thư và thủ quỹ	30	1	
III	Trường Mầm non	84	280	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	28	38	
1.1	Hiệu trưởng	14	14	
1.2	Phó hiệu trưởng	14	24	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	14	214	
2.1	Giáo viên Mầm non	14	214	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	28	28	
3.1	Kế toán - Văn thư	14	14	
3.2	Y tế - Thủ quỹ	14	14	
IV	Viên chức làm việc tại Phòng Giáo dục và Đào tạo	8	13	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ	4	10	
1.1	Chuyên quản giáo dục mầm non	1	2	
1.2	Chuyên quản giáo dục tiểu học	1	3	
1.3	Chuyên quản giáo dục trung học cơ sở	1	3	
1.4	Chuyên trách tổ chức - cán bộ - thanh tra	1	2	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ	4	4	
2.1	Kế hoạch - cơ sở vật chất	1	1	
2.2	Kế toán - tài chính	1	1	
2.3	Hành chính - tổng hợp - thi đua	1	1	
2.4	Văn thư - thủ quỹ	1	1	

<i>TT</i>	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc	Ghi chú
B	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, THÔNG TIN, THỂ THAO	13	21	
I	Trung tâm Văn hoá - Thông tin - Thể thao huyện	7	12	
1	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành</i>	2	2	
1.1	Giám đốc	1	Trưởng phòng VH TT kiêm	
1.2	Phó Giám đốc	1	2	
2	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp</i>	4	8	
2.2	Chuyên trách công tác tuyên truyền	1	2	
2.3	Chuyên trách về văn hóa, văn nghệ	1	2	
2.4	Chuyên trách về thể dục, thể thao	1	2	
2.5	Chuyên quản về thư viện	1	2	
3	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ</i>	1	2	
3.1	Hành chính, văn phòng, tổng hợp	1	2	
3.2	Kế toán	k/n	k/n	
3.3	Văn thư, thủ quỹ	k/n	k/n	
II	Đài Truyền thanh huyện	6	9	
1	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành</i>	2	2	
1.1	Trưởng đài	1	1	
1.2	Phó Trưởng đài	1	1	
2	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp</i>	4	7	
2.1	Biên tập viên	1	2	
2.2	Phát thanh viên	1	1	
2.3	Phóng viên phát thanh, ghi hình	1	2	
2.4	Chuyên trách kỹ thuật phát thanh	1	2	
3	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ</i>	0	0	
3.1	Kế toán	k/n	k/n	
3.2	Văn thư - thủ quỹ	k/n	k/n	
C	SỰ NGHIỆP KHÁC	21	42	
I	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện	6	11	
1	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành</i>	2	2	

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc	Ghi chú
1.1	Giám đốc	1	1	
1.2	Phó Giám đốc	1	1	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	2	7	
2.1	Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng	1	3	
2.2	Chuyên trách về phát triển quỹ đất	1	4	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	2	2	
3.1	Kế toán	1	1	
3.2	Văn thư, thủ quỹ	1	1	
II	Trạm Khuyến nông huyện	5	5	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	2	
1.1	Trưởng trạm	1	1	
1.2	Phó Trưởng trạm	1	1	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	3	3	
2.1	Công tác khuyến nông	1	1	
2.2	Công tác khuyến ngư	1	1	
2.3	Công tác khuyến lâm	1	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	0	0	
3.1	Kế toán	k/n	k/n	
3.2	Văn thư, thủ quỹ	k/n	k/n	
III	BQL Cụm Công nghiệp và Dịch vụ huyện	3	5	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	1	0	
1.1	Trưởng ban	1	k/n	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	2	5	
2.1	Chuyên quản đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng, tái định cư, cấp phép xây dựng tại các CCN	1	3	
2.2	Chuyên quản về môi trường, đất đai tại các CCN	1	2	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	0	0	
3.1	Kế toán	k/n	k/n	
3.2	Văn thư, thủ quỹ	k/n	k/n	
IV	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc VP. HĐND và UBND	1	6	

<i>TT</i>	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc	Ghi chú
	Nghiệp vụ tiếp nhận và trả kết quả	1	6	
V	Hội Chữ thập đỏ huyện	4	4	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	2	
1.1	Chủ tịch	1	1	
1.2	Phó Chủ tịch	1	1	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	1	1	
2.1	Công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng, cứu trợ và hiến máu nhân đạo	1	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	1	1	
3.1	Kế toán	1	1	
3.2	Văn thư, thủ quỹ	k/n	k/n	
VI	Viên chức làm việc tại Phòng NN (1), Phòng Y tế (1)	2	2	
1	Chuyên trách về xây dựng nông thôn mới	1	1	
2	Chuyên trách phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em và dân số - KHHGD	1	1	
VII	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	0	9	Chuyển giao nguyên trạng b/c cho tỉnh

III. XÁC ĐỊNH CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Tình hình biên chế các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện

* Tổng số biên chế sự nghiệp của các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện được UBND tỉnh giao năm 2015 là: 2048 biên chế. Trong đó, thực hiện là: 2048 người.

* 02 biên chế sự nghiệp làm việc tại Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Phòng Y tế huyện (năm 2012, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện được UBND tỉnh phân bổ 01 biên chế sự nghiệp để phụ trách công tác xây dựng nông thôn mới; năm 2013, do khối lượng công việc nhiều, UBND huyện đã chủ động phân bổ cho Phòng Y tế huyện 01 biên chế sự nghiệp trong tổng số các chỉ tiêu biên chế sự nghiệp UBND tỉnh đã phân bổ cho UBND huyện Tuy Phước).

2. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ, xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp như sau:

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng III hoặc tương đương (nếu có) 1643/2048 người, chiếm 80,2% tổng số;

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng IV hoặc tương đương (nếu có) 402/2048 người, chiếm 19,6% tổng số;
- Chức danh khác: 3/2048 người, 0,2% tổng số.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Để hoàn thành nhiệm vụ công tác được giao, UBND huyện Tuy Phước đề nghị UBND tỉnh, Sở Nội vụ xem xét, phê duyệt Đề án vị việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Tuy Phước với tổng số vị trí việc làm và biên chế dự kiến như sau:

- Tổng số vị trí việc làm là: **840 vị trí**;
- Tổng nhu cầu biên chế đề nghị phê duyệt năm 2015 là: **2048 biên chế**.

1. Theo nguyên tắc, trong cơ quan hành chính thì phải sử dụng biên chế hành chính, do đó, để thống nhất trong việc quản lý và sử dụng công chức viên chức, UBND huyện kính đề nghị UBND tỉnh, Sở Nội vụ điều chỉnh 13 biên chế sự nghiệp của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện sang biên chế hành chính; điều chỉnh 02 biên chế sự nghiệp của Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Y tế sang biên chế hành chính;

2. Để tạo điều kiện cho Đài Truyền thanh hoạt động thuận lợi, đề nghị UBND tỉnh công nhận Đài Truyền thanh huyện là cơ quan báo chí ở địa phương và công nhận phóng viên, biên tập viên là nhà báo.

Đề nghị UBND tỉnh, Sở Nội vụ xem xét, phê duyệt Đề án vị việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp để UBND huyện căn cứ thực hiện. / *Phạm Tích Hiếu*

Phê duyệt của Sở Nội vụ

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Tích Hiếu
Phạm Tích Hiếu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

Phụ lục 5

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA
CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC HUYỆN TUY PHƯỚC**

(Ban hành kèm theo Đề án VTVL số 02/ĐAVTVL-TP của UBND huyện Tuy Phước)

TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh lãnh đạo, quản lý (nếu có)	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Hạng của chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ:				2048
A	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo				1985
I	Trường Trung học cơ sở				748
1	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành</i>				34
1.1	Hiệu trưởng	HT	Công chức	III	14
1.2	Phó hiệu trưởng	PHT	Viên chức	III	20
2	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp</i>				638
2.1	Giáo viên ngữ văn		Viên chức	III	101
2.2	Giáo viên lịch sử		Viên chức	III	37
2.3	Giáo viên địa lý		Viên chức	III	31
2.4	Giáo viên giáo dục công dân		Viên chức	III	21
2.5	Giáo viên toán		Viên chức	III	98
2.6	Giáo viên lý		Viên chức	III	37
2.7	Giáo viên hoá		Viên chức	III	31
2.8	Giáo viên sinh		Viên chức	III	45
2.9	Giáo viên tin		Viên chức	III	38
2.10	Giáo viên âm nhạc		Viên chức	III	20
2.11	Giáo viên mỹ thuật		Viên chức	III	19
2.12	Giáo viên công nghệ		Viên chức	III	30
2.13	Giáo viên thể dục		Viên chức	III	40
2.14	Giáo viên ngoại ngữ		Viên chức	III	76

2.15	Tổng phụ trách Đội TNTP HCM		Viên chức	III	14
3	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ</i>				76
3.1	Nhân viên thư viện		Viên chức	IV	14
3.2	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm		Viên chức	IV	20
3.3	Kế toán		Viên chức	IV	14
3.4	Y tế học đường		Viên chức	IV	14
3.5	Văn thư và thủ quỹ		Viên chức	IV	14
II	Trường Tiểu học				944
1	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành</i>				61
1.1	Hiệu trưởng	HT	Công chức	III	30
1.2	Phó hiệu trưởng	PHT	Viên chức	III	31
2	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp</i>				791
2.1	Giáo viên sư phạm tiểu học		Viên chức	IV	598
2.2	Giáo viên âm nhạc		Viên chức	IV	30
2.3	Giáo viên mỹ thuật		Viên chức	IV	30
2.4	Giáo viên thể dục		Viên chức	IV	38
2.5	Giáo viên ngoại ngữ		Viên chức	IV	36
2.6	Giáo viên tin		Viên chức	IV	29
2.7	Tổng phụ trách Đội TNTP HCM		Viên chức	IV	30
3	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ</i>				92
3.1	Nhân viên thư viện		Viên chức	IV	30
3.2	Nhân viên thiết bị		Viên chức	IV	1
3.3	Kế toán		Viên chức	IV	30
3.4	Y tế học đường		Viên chức	IV	30
3.5	Văn thư và thủ quỹ		Viên chức	IV	1
III	Trường Mầm non				280
1	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành</i>				38
1.1	Hiệu trưởng	HT	Công chức	III	14

1.2	Phó hiệu trưởng	PHT	Viên chức	III	24
2	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp</i>				214
2.1	Giáo viên Mầm non		Viên chức	IV	214
3	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ</i>				28
3.1	Kế toán - Văn thư		Viên chức	IV	14
3.2	Y tế - Thủ quỹ		Viên chức	IV	14
IV	Viên chức làm việc tại Phòng Giáo dục và Đào tạo		Viên chức	III	13
B	Sự nghiệp văn hóa - Thông tin - thể thao				21
I	Trung tâm Văn hoá - Thông tin - Thể thao huyện				12
1	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành</i>				2
1.1	Giám đốc	GD	Công chức	III	k/n
1.2	Phó Giám đốc	PGD	Viên chức	III	2
2	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp</i>				8
2.2	Chuyên trách công tác tuyên truyền		Viên chức	III	2
2.3	Chuyên trách về văn hóa, văn nghệ		Viên chức	III	2
2.4	Chuyên trách về thể dục, thể thao		Viên chức	III	2
2.5	Chuyên trách về thư viện		Viên chức	III	2
3	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ</i>				2
3.1	Hành chính, văn phòng, tổng hợp		Viên chức	III	2
3.1	Kế toán				k/n
3.2	Văn thư, thủ quỹ				k/n
II	Đài Truyền thanh huyện				9
1	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành</i>				2
1.1	Trưởng đài	TĐ	Công chức	III	1
1.2	Phó Trưởng đài	PTĐ	Viên chức	III	1
2	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp</i>				7
2.1	Biên tập viên		Viên chức	III	2
2.2	Phát thanh viên		Viên chức	III	1

2.3	Phóng viên phát thanh, ghi hình		Viên chức	III	2
2.4	Chuyên trách kỹ thuật phát thanh		Viên chức	III	2
3	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ</i>				0
3.1	Kế toán				k/n
3.2	Văn thư - thủ quỹ				k/n
C	Sự nghiệp khác				42
I	Trung tâm Phát triển Quý đất huyện				11
1	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành</i>				2
1.1	Giám đốc	GD	Công chức	III	1
1.2	Phó Giám đốc	PGD	Viên chức	III	1
2	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp</i>				7
2.1	Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng		Viên chức	III	3
2.2	Chuyên trách về phát triển quỹ đất		Viên chức	III	4
3	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ</i>				2
3.1	Kế toán		Viên chức	III	1
3.2	Văn thư, thủ quỹ		Viên chức	III	1
II	Trạm Khuyến nông huyện				5
1	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành</i>				2
1.1	Trưởng trạm	TT	Công chức	III	1
1.2	Phó Trưởng trạm	PTT	Viên chức	III	1
2	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp</i>				3
2.1	Công tác khuyến nông		Viên chức	III	1
2.2	Công tác khuyến ngư		Viên chức	III	1
2.3	Công tác khuyến lâm		Viên chức	III	1
3	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ</i>				0
3.1	Kế toán				k/n
3.2	Văn thư, thủ quỹ				k/n
III	BQL Cụm Công nghiệp và Dịch vụ huyện				5

1	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành</i>				0
1.1	Trưởng ban	TB			k/n
2	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp</i>				5
2.1	Chuyên quản đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng,		Viên chức	III	3
2.2	Chuyên quản về môi trường, đất đai tại các CCN		Viên chức	III	2
3	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ</i>				0
3.1	Kế toán				k/n
3.2	Văn thư, thủ quỹ				k/n
IV	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc VP. HĐND và UBND				6
1	Nghiệp vụ tiếp nhận và trả kết quả		Viên chức	III	6
V	Hội Chữ thập đỏ huyện				4
1	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành</i>				2
1.1	Chủ tịch	CT	Công chức	III	1
1.2	Phó Chủ tịch	PCT	Viên chức	III	1
2	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp</i>				1
2.1	Công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng, cứu trợ và hiến máu nhân đạo		Viên chức	III	1
3	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ</i>				1
3.1	Kế toán		Viên chức	III	1
3.2	Văn thư, thủ quỹ				k/n
VI	Viên chức làm việc tại Phòng NN (1), Phòng Y tế (1)		Viên chức	III	2
VII	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất		Viên chức	III	9

Tuy Phước, ngày 13 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu



Phạm Thị Hương Giang

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Tích Hiếu

Phụ lục 9H
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC
TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP HUYỆN TUY PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Đề án VTVL số 09/ĐAVTVL-TP của UBND huyện Tuy Phước)

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc	Ghi chú
1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ:	840	2048	
A	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	806	1985	
I	Trường Trung học cơ sở	308	748	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	28	34	
1.1	Hiệu trưởng	14	14	
1.2	Phó hiệu trưởng	14	20	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	210	638	
2.1	Giáo viên ngữ văn	14	101	
2.2	Giáo viên lịch sử	14	37	
2.3	Giáo viên địa lý	14	31	
2.4	Giáo viên giáo dục công dân	14	21	
2.5	Giáo viên toán	14	98	
2.6	Giáo viên lý	14	37	
2.7	Giáo viên hoá	14	31	
2.8	Giáo viên sinh	14	45	
2.9	Giáo viên tin	14	38	
2.10	Giáo viên âm nhạc	14	20	
2.11	Giáo viên mỹ thuật	14	19	
2.12	Giáo viên công nghệ	14	30	
2.13	Giáo viên thể dục	14	40	
2.14	Giáo viên ngoại ngữ	14	76	
2.15	Tổng phụ trách Đội TNTP HCM	14	14	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	70	76	
3.1	Nhân viên thư viện	14	14	
3.2	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	14	20	
3.3	Kế toán	14	14	
3.4	Y tế học đường	14	14	
3.5	Văn thư và thủ quỹ	14	14	
II	Trường Tiểu học	420	944	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	60	61	
1.1	Hiệu trưởng	30	30	
1.2	Phó hiệu trưởng	30	31	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	210	791	
2.1	Giáo viên sư phạm tiểu học	30	598	
2.2	Giáo viên âm nhạc	30	30	
2.3	Giáo viên mỹ thuật	30	30	
2.4	Giáo viên thể dục	30	38	
2.5	Giáo viên ngoại ngữ	30	36	
2.6	Giáo viên tin	30	29	

<i>TT</i>	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc	Ghi chú
2.7	Tổng phụ trách Đội TNTP HCM	30	30	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	150	92	
3.1	Nhân viên thư viện	30	30	
3.2	Nhân viên thiết bị	30	1	
3.3	Kế toán	30	30	
3.4	Y tế học đường	30	30	
3.5	Văn thư và thủ quỹ	30	1	
III	Trường Mầm non	70	280	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	28	38	
1.1	Hiệu trưởng	14	14	
1.2	Phó hiệu trưởng	14	24	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	14	214	
2.1	Giáo viên Mầm non	14	214	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	28	28	
3.1	Kế toán - Văn thư	14	14	
3.2	Y tế - Thủ quỹ	14	14	
IV	Viên chức làm việc tại Phòng Giáo dục và Đào tạo	8	13	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc chuyên môn, nghiệp vụ	4	10	
1.1	Chuyên quản giáo dục mầm non	1	2	
1.2	Chuyên quản giáo dục tiểu học	1	3	
1.3	Chuyên quản giáo dục trung học cơ sở	1	3	
1.4	Chuyên trách tổ chức - cán bộ - thanh tra	1	2	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc phục vụ, hỗ trợ	4	3	
2.1	Kế hoạch - cơ sở vật chất	1	0	
2.2	Kế toán - tài chính	1	1	
2.3	Hành chính - tổng hợp - thi đua	1	1	
2.4	Văn thư - thủ quỹ	1	1	
B	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, THÔNG TIN, THỂ THAO	13	21	
I	Trung tâm Văn hoá - Thông tin - Thể thao huyện	7	12	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	2	
1.1	Giám đốc	1	Trưởng phòng VH TT kiểm	
1.2	Phó Giám đốc	1	2	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	4	8	
2.2	Chuyên trách công tác tuyên truyền	1	2	
2.3	Chuyên trách về văn hóa, văn nghệ	1	2	
2.4	Chuyên trách về thể dục, thể thao	1	2	
2.5	Chuyên quản về thư viện	1	2	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	1	2	
2.1	Hành chính, văn phòng, tổng hợp	1	2	
3.1	Kế toán	k/n	k/n	
3.2	Văn thư, thủ quỹ	k/n	k/n	
II	Đài Truyền thanh huyện	6	9	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	2	
1.1	Trưởng đài	1	1	
1.2	Phó Trưởng đài	1	1	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	4	7	

<i>TT</i>	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc	Ghi chú
2.1	Biên tập viên	1	2	
2.2	Phát thanh viên	1	1	
2.3	Phóng viên phát thanh, ghi hình	1	2	
2.4	Chuyên trách kỹ thuật phát thanh	1	2	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	0	0	
3.1	Kế toán	k/n	k/n	
3.2	Văn thư - thủ quỹ	k/n	k/n	
C	SỰ NGHIỆP KHÁC	21	42	
I	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện	6	11	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	2	
1.1	Giám đốc	1	1	
1.2	Phó Giám đốc	1	1	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	2	7	
2.1	Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng	1	3	
2.2	Chuyên trách về phát triển quỹ đất	1	4	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	2	2	
3.1	Kế toán	1	1	
3.2	Văn thư, thủ quỹ	1	1	
II	Trạm Khuyến nông huyện	5	5	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	2	
1.1	Trưởng trạm	1	1	
1.2	Phó Trưởng trạm	1	1	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	3	3	
2.1	Công tác khuyến nông	1	1	
2.2	Công tác khuyến ngư	1	1	
2.3	Công tác khuyến lâm	1	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	0	0	
3.1	Kế toán	k/n	k/n	
3.2	Văn thư, thủ quỹ	k/n	k/n	
III	BQL Cụm Công nghiệp và Dịch vụ huyện	3	5	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	1	0	
1.1	Trưởng ban	1	k/n	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	2	5	
2.1	Chuyên quản đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, giải phóng mặt bằng, tái định cư, cấp phép xây dựng tại các CCN	1	3	
2.2	Chuyên quản về môi trường, đất đai tại các CCN	1	2	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	0	0	
3.1	Kế toán	k/n	k/n	
3.2	Văn thư, thủ quỹ	k/n	k/n	
IV	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc VP. HĐND và UBND	1	6	
	Nghiệp vụ tiếp nhận và trả kết quả	1	6	
V	Hội Chữ thập đỏ huyện	4	4	
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	2	2	
1.1	Chủ tịch	1	1	
1.2	Phó Chủ tịch	1	1	
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	1	1	

<i>TT</i>	Tên vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Số lượng người làm việc	Ghi chú
2.1	Công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng, cứu trợ và hiến máu nhân đạo	1	1	
3	Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	1	1	
3.1	Kế toán	1	1	
3.2	Văn thư, thủ quỹ	k/n	k/n	
VI	Viên chức làm việc tại Phòng NN (1), Phòng Y tế (1)	2	2	
	Chuyên trách về xây dựng nông thôn mới	1	1	
	Chuyên trách phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em và dân số - KHHGD	1	1	
VII	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	0	9	Chuyển giao nguyên trạng b/c cho tỉnh

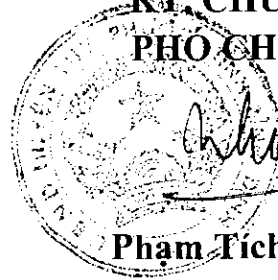
Tuy Phước, ngày 13 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu



Phạm Thị Hương Giang

**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Tích Hiếu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

Phụ lục số 10

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ BIÊN CHẾ (SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC) TRONG CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Ban hành kèm theo Đề án VTVL số 02 /ĐAVTVL-TP của UBND huyện Tuy Phước)

TT	Đơn vị	Số lượng vị trí việc làm					Số lượng người làm việc							
		Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia theo vị trí				Chia theo nguồn trả lương		
			Vị trí lãnh đạo, quản lý	Vị trí gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	Vị trí gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	Vị trí để thực hiện HĐ 68		Lãnh đạo, quản lý	Viên chức hoạt động nghề nghiệp	Viên chức gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	Hợp đồng lao động theo HĐ 68	Ngân sách	Từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			
	Tổng số	840	127	457	256		2048	144	1671	233				
A	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	806	116	438	252	0	1985	132	1625	228				
A.I	Trường THCS	308	28	210	70		748	33	640	75				
1	THCS Phước Thành	22	2	15	5		48	3	39	6			Nhà nước	
2	THCS Phước An	22	2	15	5		74	3	65	6			Nhà nước	
3	THCS Trần Bá	22	2	15	5		49	2	42	5			Nhà nước	
4	THCS TT Tuy Phước	22	2	15	5		74	3	65	6			Nhà nước	
5	THCS Phước Lộc	22	2	15	5		59	2	52	5			Nhà nước	
6	THCS Phước Hiệp	22	2	15	5		63	3	54	6			Nhà nước	
7	THCS Phước Thuận	22	2	15	5		69	3	60	6			Nhà nước	
8	THCS số 1 Phước Sơn	22	2	15	5		57	2	50	5			Nhà nước	
9	THCS số 2 Phước Sơn	22	2	15	5		44	2	37	5			Nhà nước	

TT	Đơn vị	Số lượng vị trí việc làm					Số lượng người làm việc						
		Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia theo vị trí				Chia theo nguồn trả lương	
			Vị trí lãnh đạo, quản lý	Vị trí gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	Vị trí gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	Vị trí để thực hiện HĐ 68		Lãnh đạo, quản lý	Viên chức hoạt động nghề nghiệp	Viên chức gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	Hợp đồng lao động theo ND 68	Ngân sách	Từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị
10	THCS Phước Hoà	22	2	15	5		50	2	43	5		Nhà nước	
11	THCS Phước Thắng	22	2	15	5		38	2	31	5		Nhà nước	
12	THCS Phước Quang	22	2	15	5		51	2	44	5		Nhà nước	
13	THCS Phước Hưng	22	2	15	5		49	2	42	5		Nhà nước	
14	THCS Hoà Thắng	22	2	15	5		23	2	16	5		Nhà nước	
A.II	Trường Tiểu học	420	60	210	150	0	944	61	761	122			
1	TH số 1 Phước Thành	14	2	7	5		32	2	26	4		Nhà nước	
2	TH số 2 Phước Thành	14	2	7	5		29	2	23	4		Nhà nước	
3	TH số 1 Phước An	14	2	7	5		37	2	31	4		Nhà nước	
4	TH số 2 Phước An	14	2	7	5		33	2	27	4		Nhà nước	
5	TH số 3 Phước An	14	2	7	5		24	2	18	4		Nhà nước	
6	TH số 1 TT Điều Trị	14	2	7	5		34	2	28	4		Nhà nước	
7	TH số 2 TT Điều Trị	14	2	7	5		28	2	22	4		Nhà nước	
8	TH số 1 TT Tuy Phước	14	2	7	5		38	2	32	4		Nhà nước	
9	TH số 2 TT Tuy Phước	14	2	7	5		32	2	26	4		Nhà nước	
10	TH số 1 Phước Lộc	14	2	7	5		39	2	33	4		Nhà nước	
11	TH số 2 Phước Lộc	14	2	7	5		34	2	28	4		Nhà nước	

TT	Đơn vị	Số lượng vị trí việc làm					Số lượng người làm việc						
		Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia theo vị trí				Chia theo nguồn trả lương	
			Vị trí lãnh đạo, quản lý	Vị trí gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	Vị trí gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	Vị trí để thực hiện HD 68		Lãnh đạo, quản lý	Viên chức hoạt động nghề nghiệp	Viên chức gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	Hợp đồng lao động theo NĐ 68	Ngân sách	Từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị
12	TH Phước Nghĩa	14	2	7	5		27	2	21	4		Nhà nước	
13	TH số 1 Phước Hiệp	14	2	7	5		28	2	22	4		Nhà nước	
14	TH số 2 Phước Hiệp	14	2	7	5		30	2	24	4		Nhà nước	
15	TH số 3 Phước Hiệp	14	2	7	5		26	2	20	4		Nhà nước	
16	TH số 1 Phước Thuận	14	2	7	5		34	2	28	4		Nhà nước	
17	TH số 2 Phước Thuận	14	2	7	5		28	2	22	4		Nhà nước	
18	TH số 3 Phước Thuận	14	2	7	5		28	2	22	4		Nhà nước	
34	TH số 1 Phước Sơn	14	2	7	5		40	2	34	4		Nhà nước	
20	TH số 2 Phước Sơn	14	2	7	5		45	3	36	6		Nhà nước	
21	TH số 3 Phước Sơn	14	2	7	5		34	2	28	4		Nhà nước	
22	TH số 1 Phước Hòa	14	2	7	5		31	2	25	4		Nhà nước	
23	TH số 2 Phước Hòa	14	2	7	5		34	2	28	4		Nhà nước	
24	TH số 1 Phước Thắng	14	2	7	5		30	2	24	4		Nhà nước	
25	TH số 2 Phước Thắng	14	2	7	5		22	2	16	4		Nhà nước	
26	TH số 1 Phước Quang	14	2	7	5		34	2	28	4		Nhà nước	
27	TH số 2 Phước Quang	14	2	7	5		26	2	20	4		Nhà nước	
28	TH số 1 Phước Hưng	14	2	7	5		35	2	29	4		Nhà nước	

TT	Đơn vị	Số lượng vị trí việc làm					Số lượng người làm việc						
		Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia theo vị trí				Chia theo nguồn trả lương	
			Vị trí lãnh đạo, quản lý	Vị trí gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	Vị trí gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	Vị trí để thực hiện HĐ 68		Lãnh đạo, quản lý	Viên chức hoạt động nghề nghiệp	Viên chức gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	Hợp đồng lao động theo NĐ 68	Ngân sách	Từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị
29	TH số 2 Phước Hưng	14	2	7	5		30	2	24	4		Nhà nước	
30	TH Hòa Thắng	14	2	7	5		22	2	16	4		Nhà nước	
A.III	Trường Mầm non	70	28	14	28	0	280	38	214	28			
1	MN Phước Thành	5	2	1	2		20	3	15	2		Nhà nước	
2	MN Phước An	5	2	1	2		26	3	21	2		Nhà nước	
3	MN Điều Trị	5	2	1	2		10	2	6	2		NN 50%	Học phí 50%
4	MN Tuy Phước	5	2	1	2		16	3	11	2		NN 50%	Học phí 50%
5	MN Phước Lộc	5	2	1	2		23	3	18	2		Nhà nước	
6	MN Phước Nghĩa	5	2	1	2		7	1	4	2		Nhà nước	
7	MN Phước Hiệp	5	2	1	2		16	3	11	2		Nhà nước	
8	MN Phước Thuận	5	2	1	2		23	3	18	2		Nhà nước	
9	MN Phước Sơn	5	2	1	2		37	3	32	2		Nhà nước	
10	MN Phước Hòa	5	2	1	2		25	3	20	2		Nhà nước	
11	MN Phước Thắng	5	2	1	2		18	3	13	2		Nhà nước	
12	MN Phước Hưng	5	2	1	2		24	3	19	2		Nhà nước	
13	MN Phước Quang	5	2	1	2		15	3	10	2		Nhà nước	
14	MN huyện	5	2	1	2		20	2	16	2		NN 50%	Học phí 50%

TT	Đơn vị	Số lượng vị trí việc làm					Số lượng người làm việc						
		Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia theo vị trí				Chia theo nguồn trả lương	
			Vị trí lãnh đạo, quản lý	Vị trí gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	Vị trí gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	Vị trí đề thực hiện HĐ 68		Lãnh đạo, quản lý	Viên chức hoạt động nghề nghiệp	Viên chức gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ	Hợp đồng lao động theo ND 68	Ngân sách	Từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị
A.IV	Viên chức làm việc tại Phòng Giáo dục và Đào tạo	8		4	4		13		10	3		Nhà nước	
B	Trung tâm văn hoá - thông tin thể thao huyện	7	2	4	1		12	2	8	2		Nhà nước	
C	Đài Truyền thanh huyện	6	2	4			9	2	7			Nhà nước	
D	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	6	2	2	2		11	2	7	2		Nhà nước	
E	Trạm Khuyến nông huyện	5	2	3			5	2	3			Nhà nước	
F	BQL Cụm Công nghiệp và Dịch vụ huyện	3	1	2			5		5			Nhà nước	
G	Bộ phận TN&TKQ thuộc VP. HĐND và UBND	1		1			6		6			Nhà nước	
H	Hội Chữ thập đỏ huyện	4	2	1	1		4	2	1	1		Nhà nước	
I	Viên chức làm việc tại Phòng Nông nghiệp & PTNT	1		1			1		1			Nhà nước	
K	Viên chức làm việc tại Phòng Y tế	1		1			1		1			Nhà nước	
L	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	0					9	2	7			Nhà nước	

Tuy Phước, ngày 13 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu



Phạm Thị Hương Giang

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Tích Hiếu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

Phụ lục số 11

CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Ban hành kèm theo Đề án VTVL số 02 /ĐAVTVL-TP của UBND huyện Tuy Phước)

TT	Đơn vị	Số lượng công chức, viên chức và người lao động ứng với các chức danh chuyên môn, nghề nghiệp hoặc tương ứng					
		Tổng số	Chia ra				
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số	2048			1631	415	2
A	Sự nghiệp giáo dục và ĐT	1985	0	0	1568	415	2
A.1	Trường Trung học cơ sở	748	0	0	724	22	2
1	THCS Phước Thành	48			46	2	
2	THCS Phước An	74			71	2	1
3	THCS Trần Bá	49			47	1	1
4	THCS TT Tuy Phước	74			73	1	
5	THCS Phước Lộc	59			58	1	
6	THCS Phước Hiệp	63			60	3	
7	THCS Phước Thuận	69			67	2	
8	THCS số 1 Phước Sơn	57			56	1	
9	THCS số 2 Phước Sơn	44			42	2	
10	THCS Phước Hoà	50			49	1	
11	THCS Phước Thắng	38			37	1	
12	THCS Phước Quang	51			49	2	
13	THCS Phước Hưng	49			47	2	
14	THCS Hoà Thắng	23			22	1	
A.2	Trường Tiểu học	944	0	0	752	192	0
15	TH số 1 Phước Thành	32			25	7	
16	TH số 2 Phước Thành	29			22	7	

TT	Đơn vị	Số lượng công chức, viên chức và người lao động ứng với các chức danh chuyên môn, nghề nghiệp hoặc tương ứng					
		Tổng số	Chia ra				
	Chức danh nghề nghiệp hạng I		Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	Khác	
17	TH số 1 Phước An	37			34	3	
18	TH số 2 Phước An	33			27	6	
19	TH số 3 Phước An	24			18	6	
20	TH số 1 TT Điều Trị	34			28	6	
21	TH số 2 TT Điều Trị	28			22	6	
22	TH số 1 TT Tuy Phước	38			33	5	
23	TH số 2 TT Tuy Phước	32			27	5	
24	TH số 1 Phước Lộc	39			33	6	
25	TH số 2 Phước Lộc	34			29	5	
26	TH Phước Nghĩa	27			21	6	
27	TH số 1 Phước Hiệp	28			19	9	
28	TH số 2 Phước Hiệp	30			23	7	
29	TH số 3 Phước Hiệp	26			21	5	
30	TH số 1 Phước Thuận	34			29	5	
31	TH số 2 Phước Thuận	28			24	4	
32	TH số 3 Phước Thuận	28			20	8	
33	TH số 1 Phước Sơn	40			33	7	
34	TH số 2 Phước Sơn	45			32	13	
35	TH số 3 Phước Sơn	34			23	11	
36	TH số 1 Phước Hòa	31			22	9	
37	TH số 2 Phước Hòa	34			22	12	
38	TH số 1 Phước Thắng	30			26	4	
39	TH số 2 Phước Thắng	22			19	3	
40	TH số 1 Phước Quang	34			28	6	
41	TH số 2 Phước Quang	26			21	5	
42	TH số 1 Phước Hưng	35			31	4	
43	TH số 2 Phước Hưng	30			24	6	

TT	Đơn vị	Số lượng công chức, viên chức và người lao động ứng với các chức danh chuyên môn, nghề nghiệp hoặc tương ứng					
		Tổng số	Chia ra				Khác
			Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III	Chức danh nghề nghiệp hạng IV	
44	TH Hòa Thắng	22			16	6	
A.3	Trường Mầm non	280	0	0	79	201	0
45	MN Phước Thành	20			2	18	
46	MN Phước An	26			8	18	
47	MN Điều Trị	10			2	8	
48	MN Tuy Phước	16			4	12	
49	MN Phước Lộc	23			8	15	
50	MN Phước Nghĩa	7			1	6	
51	MN Phước Hiệp	16			1	15	
52	MN Phước Thuận	23			9	14	
53	MN Phước Sơn	37			15	22	
54	MN Phước Hòa	25			6	19	
55	MN Phước Thắng	18			2	16	
56	MN Phước Hưng	24			7	17	
57	MN Phước Quang	15			1	14	
58	MN huyện	20			13	7	
A.4	Viên chức làm việc tại Phòng Giáo dục và Đào tạo	13			13		
B	Trung tâm Văn hoá - Thông tin Thể thao huyện	12			12		
C	Đại Truyền thanh huyện	9			9		
D	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	11			11		
E	Trạm Khuyến nông huyện	5			5		
F	BQL Cụm Công nghiệp và Dịch vụ huyện	5			5		
G	Hội Chữ thập đỏ huyện	4			4		

TT	Đơn vị	Số lượng công chức, viên chức và người lao động ứng với các chức danh chuyên môn, nghề nghiệp hoặc tương ứng			
		Tổng số	Chức danh nghề nghiệp hạng I	Chức danh nghề nghiệp hạng II	Chức danh nghề nghiệp hạng III
H	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc VP. HĐND và UBND	6			6
I	Viên chức làm việc tại Phòng NN (1), Phòng Y tế (1)	2			2
K	Văn phòng Đăng ký QSD đất huyện	9			9

Chia ra

Chức danh nghề nghiệp hạng IV

Chức danh nghề nghiệp hạng I

Chức danh nghề nghiệp hạng II

Chức danh nghề nghiệp hạng III

Chức danh nghề nghiệp hạng IV

Khác

Người lập biểu



Phạm Thị Hương Giang

Tuy Phước, ngày 13 tháng 10 năm 2015

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Rhạm Tích Hiếu